

**Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/3/2021

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG – TỈNH KG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thạch Sô Phép

*Các Hôi thâm nhân dân:*

Ông Trần Hữu Trường

Bà Hồ Thị Ngân

*Thư ký phiên tòa:* Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh KG.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số: 562/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Đ, S năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: NBK, phường VT, thành phố RG, tỉnh KG.

2. *Bi đơn*: Ông Huỳnh Văn S, S năm 1965 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: NTT, phường VT, thành phố RG, tỉnh KG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Bùi Thị Đ trình bày: Bà và ông S tự quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng sống tại số nhà 274 đường NTT, phường VT, thành phố RG, tỉnh KG.

Nguyên nhân xin ly hôn: Do bất đồng ý kiến trong cách sống hàng ngày, bà làm nghề buôn bán hay đi sớm về khuya không lo cơm nước được cho chồng nên ông S không đồng ý và thường kiểm chuyện này nọ. Ngoài ra, ông S thường xuyên

nhậu nhẹt và mỗi lần nhậu là chửi bới bà nên bà đã bỏ về nhà cha ruột bà sống mấy lần, sau đó ông S năn nỉ hứa sửa đổi, bà tha thứ và về nhà sống với ông S, nhưng ông S vẫn không sửa đổi tính tình. Vào tháng 11/2020 ông S xuống gia đình bà la lối bị Công an mời về trụ sở lập biên bản và từ đó vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Từ những nguyên nhân trên mà vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà làm đơn xin ly hôn với ông S.

- Về con chung: Bà Đ xác định không có.

- Về tài sản, nợ chung: Bà Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai ngày 15/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Văn S trình bày: Ông và bà Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2013 và có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng sống tại số nhà 274 đường NTT, phường VT, thành phố RG, tỉnh KG.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến trong cách sống hàng ngày, bà Đ buôn bán hay đi sớm về khuya không lo cơm nước được cho ông nên ông có khuyên can nhưng bà Đ vẫn đi làm; ông S thừa nhận có thường xuyên nhậu nhẹt và mỗi lần nhậu nhẹt có chửi bới bà Đ và có 01 lần ông xuống gia đình bà Đ la lối nên bị Công an mời về trụ sở lập biên bản. Từ những nguyên nhân trên mà vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Nay bà Đ làm đơn ly hôn, ông yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông S đồng ý ly hôn với bà Đ.

- Về con chung: Ông S xác định không có.

- Về tài sản, nợ chung: Ông S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị Đ khởi kiện yêu cầu “Xin ly hôn” với ông Huỳnh Văn S. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh KG.

Bị đơn ông Huỳnh Văn S có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về áp dụng pháp luật: Quan hệ hôn nhân bà Đ và ông S chung sống với nhau vào năm 2013, theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì áp dụng các quy định và điều luật của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông S kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2013, nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình. Nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm vào khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tại khoản 1 Điều 11 có quy định: “ Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị Đ và ông Huỳnh Văn S.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Bùi Thị Đ và ông Huỳnh Văn S xác định không có.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị Đ và ông Huỳnh Văn S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị Đ và ông Huỳnh Văn S.

2. Về quan hệ con chung: Bà Bùi Thị Đ và ông Huỳnh Văn S xác định không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị Đ và ông Huỳnh Văn S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Buộc Bùi Thị Đ phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà Bùi Thị Đ được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008761 ngày 7/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG, tỉnh KG.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KG;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**THẠCH SÔ PHÉP**